

THÔNG BÁO

Kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố Hồ Chí Minh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tuần thứ 44)

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Căn cứ kết quả đánh giá các tiêu chí của Bộ chỉ số, kết quả Thành phố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia¹:

1. Kết quả Thành phố Hồ Chí Minh: đạt hạng 28/34 với tổng số điểm đạt được 85.47 điểm (tuần trước 84,77 điểm) (phụ lục 1).

1.1. Công khai, minh bạch: 15,41/18 điểm (tuần trước 15,16 điểm)

- Tỷ lệ cập nhật, công khai đúng hạn: 43,6%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn: 43,6%.
- Tỷ lệ công khai đầy đủ các nội dung quy định: 100% (2.292 thủ tục).
- Hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG: 1.842.587 hồ sơ đồng bộ.

1.2. Tiến độ giải quyết: 18,53/20 điểm (tuần trước 18,54 điểm)

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của Thành phố đạt mức trung cao khoảng 95,32%, hiện các đơn vị vẫn còn hồ sơ xử lý quá hạn (kèm phụ lục 3).

1.3. Dịch vụ trực tuyến: 18,16/22 điểm (tuần trước 18,16 điểm)

1.3.1. Dịch vụ công trực tuyến: 8,2/12 điểm (tuần trước 8,2 điểm)

- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT một phần: 55,28% (1.257 DVCTT).
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình: 14,73% (335 DVCTT).
- Còn lại: 29,99% (682 TTHC).
- Hồ sơ nộp trực tuyến: 67,25% (1.246.401 hồ sơ).
- Hồ sơ xử lý đúng hạn: 94,13%.
- Tỷ lệ TTHC có DVC trực tuyến phát sinh hồ sơ trên Cổng DVCQG: 43,3%.

1.3.2. Thanh toán trực tuyến: 10/10 điểm (tuần trước 10 điểm)

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến: 83,95% (570 TTHC).

¹ Số liệu trích xuất vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 03/11/2025 tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html> với mốc lấy số liệu năm 2025

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến 73,95% (1.088.229 hồ sơ).

1.4. Mức độ hài lòng: 17,88/18 điểm (tuần trước 17,94 điểm)

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 99,0%.

- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 92,64%.

1.5. Số hóa hồ sơ: 15,43/22 điểm (tuần trước 14,97 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 73,57%.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 69,56%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa: 22,9% (449.354 hồ sơ).

2. Đánh giá:

Thành phố đã có nhiều nỗ lực, điểm cùng thứ hạng tăng, ngoài những nguyên nhân như đã nêu tại Thông báo tuần 41 vẫn còn nhưng các đơn vị đã có những bước tiến trong cải thiện điểm số.

3. Giải pháp, phương hướng:

Căn cứ các đề xuất giải pháp đã nêu ở Thông báo tuần 41, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, tùy thuộc vào điều kiện của cơ quan, đơn vị mà có những giải pháp tốt hơn, phù hợp để cải thiện điểm số, nâng cao thứ hạng.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phổ biến, quán triệt Thông báo này đến các cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương./.

(Kèm theo các phụ lục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT (để báo cáo)
- VPUB: CVP, PCVP;
- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- TT PVHCC TP;
- Lưu: VT, TNSH/ĐL.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trương Công Huy

Phụ lục 1
Điểm, tỷ lệ đạt được của Thành phố

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
I	Công khai, minh bạch	18	15,41		
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6		34,87	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4		43,6	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính	2		100	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	6			1.842.587 hồ sơ
II	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	18,53		
5	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20		95,32	
III	Cung cấp dịch vụ trực tuyến	22	18,16		
III.1	Dịch vụ công	12	8,2		
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2		70,01	
7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4		43,3	
8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức nộp trực tuyến	6		67,25	
III.2	Thanh toán trực tuyến	10	10		
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2		83,95	
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	2		100	
11	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6		73,95	
IV	Số hóa hồ sơ	22	15,43		

12	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	6		73,57	
13	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	4		69,56	
14	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2		22,9	
15	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2			
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	4			
*	Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công				
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	2			
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2			
V	Mức độ hài lòng	18	17,88		
19	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6		99,98	
20	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6		99	
21	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	6		92,64	
Tổng		100	85.47		

Phụ lục 2
Danh sách tổng điểm, xếp hạng của các đơn vị

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
Sở, ban, ngành			
1	Sở An toàn thực phẩm	90.17	Xuất sắc
2	Sở Xây dựng	89.73	Tốt
3	Sở Du lịch	87.78	Tốt
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	87.63	Tốt
5	Sở Văn hóa và Thể thao	85.22	Tốt
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	82.54	Tốt
7	Sở Y tế	82.42	Tốt
8	Sở Công Thương	81.05	Tốt
9	Sở Nội vụ	79.67	khá
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	74.79	khá
11	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	74.75	khá
12	Sở Tài chính	74.7	khá
13	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	72.23	khá
14	Sở Khoa học và Công nghệ	70.29	khá
15	Sở Tư pháp	57.36	Trung bình
16	Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an TP.HCM	32	Yếu
17	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	32	Yếu
UBND cấp xã			
1	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	92.23	Xuất sắc
2	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	91.72	Xuất sắc
3	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	91.61	Xuất sắc
4	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	91.29	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
5	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	91.2	Xuất sắc
6	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	91.18	Xuất sắc
7	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	91	Xuất sắc
8	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	90.88	Xuất sắc
9	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	90.82	Xuất sắc
10	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	90.77	Xuất sắc
11	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	90.76	Xuất sắc
12	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	90.71	Xuất sắc
13	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	90.64	Xuất sắc
14	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	90.51	Xuất sắc
15	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	90.51	Xuất sắc
16	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	90.49	Xuất sắc
17	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	90.49	Xuất sắc
18	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	90.49	Xuất sắc
19	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	90.35	Xuất sắc
20	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	90.34	Xuất sắc
21	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	90.28	Xuất sắc
22	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	90.25	Xuất sắc
23	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	90.23	Xuất sắc
24	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	90.21	Xuất sắc
25	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	90.13	Xuất sắc
26	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	90.12	Xuất sắc
27	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	90.11	Xuất sắc
28	Ủy ban nhân dân Phường Tân Tạo	90.03	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
29	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	90.02	Xuất sắc
30	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	90	Xuất sắc
31	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	90	Xuất sắc
32	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	90	Xuất sắc
33	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	89.99	Tốt
34	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	89.98	Tốt
35	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	89.86	Tốt
36	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	89.82	Tốt
37	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	89.8	Tốt
38	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	89.8	Tốt
39	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	89.8	Tốt
40	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	89.77	Tốt
41	Ủy ban nhân dân Xã An Long	89.71	Tốt
42	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	89.7	Tốt
43	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	89.63	Tốt
44	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	89.62	Tốt
45	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	89.61	Tốt
46	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	89.58	Tốt
47	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	89.55	Tốt
48	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	89.54	Tốt
49	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	89.53	Tốt
50	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	89.51	Tốt
51	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	89.49	Tốt
52	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	89.46	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
53	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	89.45	Tốt
54	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	89.44	Tốt
55	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	89.43	Tốt
56	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	89.42	Tốt
57	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	89.38	Tốt
58	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	89.27	Tốt
59	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	89.27	Tốt
60	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	89.24	Tốt
61	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	89.23	Tốt
62	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	89.21	Tốt
63	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	89.21	Tốt
64	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	89.19	Tốt
65	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	89.17	Tốt
66	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	89.14	Tốt
67	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	89.12	Tốt
68	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	89.11	Tốt
69	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	89.09	Tốt
70	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	89.09	Tốt
71	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	89.06	Tốt
72	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	89.06	Tốt
73	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	89.05	Tốt
74	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	89.03	Tốt
75	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	88.97	Tốt
76	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	88.95	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
77	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	88.87	Tốt
78	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	88.76	Tốt
79	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	88.75	Tốt
80	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	88.68	Tốt
81	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	88.68	Tốt
82	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	88.68	Tốt
83	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	88.66	Tốt
84	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	88.66	Tốt
85	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	88.64	Tốt
86	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	88.63	Tốt
87	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	88.62	Tốt
88	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	88.62	Tốt
89	Ủy ban nhân dân Phường Tân Định	88.61	Tốt
90	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	88.61	Tốt
91	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	88.59	Tốt
92	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	88.55	Tốt
93	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	88.53	Tốt
94	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	88.44	Tốt
95	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	88.44	Tốt
96	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	88.44	Tốt
97	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	88.35	Tốt
98	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	88.33	Tốt
99	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	88.27	Tốt
100	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	88.26	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
101	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	88.25	Tốt
102	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	88.13	Tốt
103	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	88.13	Tốt
104	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	88.12	Tốt
105	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	88.11	Tốt
106	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	87.88	Tốt
107	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	87.88	Tốt
108	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	87.88	Tốt
109	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	87.84	Tốt
110	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	87.8	Tốt
111	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	87.8	Tốt
112	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	87.53	Tốt
113	Ủy ban nhân dân Phường Nhiều Lộc	87.51	Tốt
114	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	87.48	Tốt
115	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	87.44	Tốt
116	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	87.26	Tốt
117	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	86.96	Tốt
118	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	86.87	Tốt
119	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	86.85	Tốt
120	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	86.85	Tốt
121	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	86.79	Tốt
122	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	86.54	Tốt
123	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	86.45	Tốt
124	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	86.45	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
125	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	86.32	Tốt
126	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	86.23	Tốt
127	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	86.23	Tốt
128	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	86.2	Tốt
129	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	86.14	Tốt
130	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	86.11	Tốt
131	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	86.11	Tốt
132	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	86.06	Tốt
133	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	86.02	Tốt
134	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	85.94	Tốt
135	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	85.83	Tốt
136	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	85.72	Tốt
137	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	85.6	Tốt
138	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	85.41	Tốt
139	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	85.41	Tốt
140	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	85.4	Tốt
141	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	85.3	Tốt
142	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	85.21	Tốt
143	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	85.1	Tốt
144	Ủy ban nhân dân Phường Vững Tàu	84.96	Tốt
145	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	84.78	Tốt
146	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	84.78	Tốt
147	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	84.71	Tốt
148	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	84.7	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
149	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	84.44	Tốt
150	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	84.4	Tốt
151	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	84.33	Tốt
152	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	84.14	Tốt
153	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	83.72	Tốt
154	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	83.59	Tốt
155	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	83.48	Tốt
156	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	83.41	Tốt
157	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giở	83.39	Tốt
158	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	83.29	Tốt
159	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	83.24	Tốt
160	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	83.01	Tốt
161	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	82.95	Tốt
162	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	82.52	Tốt
163	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	82.15	Tốt
164	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	81.94	Tốt
165	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	81.23	Tốt
166	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	80.77	Tốt
167	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	78.09	khá
168	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	77.56	khá

Phụ lục 3
Danh mục hồ sơ xử lý quá hạn

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn
1	Sở Tài chính	H29.13	10.810
2	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố	H29.14.10	1.209
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H29.14	705
4	Sở Tư pháp	H29.16	222
5	Sở An toàn thực phẩm	H29.109	150
6	Sở Y tế	H29.19	126
7	Sở Công Thương	H29.2	105
8	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	H29.199	93
9	Ủy ban nhân dân Xã Bà Lâm	H29.272	73
10	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	H29.243	70
11	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	H29.174	64
12	Sở Văn hóa và Thể thao	H29.17	62
13	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	H29.200	49
14	Sở Xây dựng	H29.18	45
15	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	H29.248	33
16	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	H29.250	32
17	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	H29.293	30
18	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	H29.253	26
19	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	H29.156	26
20	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	H29.147	23
21	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	H29.216	22
22	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	H29.239	21
23	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	H29.247	20
24	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	H29.176	17
25	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	H29.236	17
26	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	H29.150	17
27	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	H29.217	16
28	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	H29.151	16
29	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	H29.295	16
30	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	H29.283	15
31	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	H29.159	15
32	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	H29.192	14

33	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	H29.220	14
34	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	H29.202	14
35	Sở Giáo dục và Đào tạo	H29.4	14
36	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	H29.230	14
37	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	H29.276	13
38	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	H29.271	13
39	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	H29.256	13
40	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	H29.285	13
41	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	H29.149	12
42	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	H29.163	12
43	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	H29.281	12
44	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	H29.222	12
45	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	H29.268	11
46	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	H29.213	11
47	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	H29.212	11
48	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	H29.251	11
49	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	H29.290	10
50	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	H29.297	10
51	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	H29.160	10
52	Ủy ban nhân dân Phường Nhiều Lộc	H29.164	10
53	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	H29.232	10
54	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	H29.203	10
55	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	H29.259	10
56	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	H29.29	10
57	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	H29.261	9
58	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	H29.152	9
59	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	H29.278	9
60	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	H29.186	8
61	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	H29.265	8
62	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	H29.209	8
63	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	H29.240	8
64	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	H29.267	7
65	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	H29.146	7
66	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	H29.188	7
67	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	H29.279	7
68	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	H29.178	7
69	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	H29.157	7
70	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	H29.229	7

71	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	H29.177	6
72	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	H29.303	6
73	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	H29.246	6
74	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	H29.249	6
75	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	H29.165	6
76	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	H29.169	6
77	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	H29.233	6
78	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	H29.292	6
79	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	H29.225	5
80	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	H29.260	5
81	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	H29.162	5
82	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	H29.255	5
83	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	H29.310	5
84	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	H29.263	5
85	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	H29.219	5
86	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	H29.166	4
87	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	H29.171	4
88	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	H29.175	4
89	Sở Nội vụ	H29.10	4
90	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	H29.184	4
91	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	H29.311	4
92	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	H29.193	4
93	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	H29.291	4
94	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	H29.168	4
95	Sở Khoa học và Công nghệ	H29.7	4
96	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	H29.214	4
97	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	H29.182	3
98	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	H29.280	3
99	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	H29.309	3
100	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	H29.204	3
101	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	H29.191	3
102	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	H29.34	3
103	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	H29.266	3
104	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	H29.277	3
105	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	H29.207	3
106	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	H29.189	3
107	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	H29.275	3
108	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	H29.161	3

109	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	H29.294	3
110	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	H29.235	2
111	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	H29.300	2
112	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	H29.228	2
113	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	H29.211	2
114	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	H29.206	2
115	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	H29.154	2
116	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	H29.218	2
117	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	H29.194	2
118	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	H29.282	2
119	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	H29.270	2
120	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	H29.226	2
121	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	H29.227	2
122	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	H29.172	2
123	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	H29.238	2
124	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	H29.254	2
125	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	H29.201	2
126	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	H29.299	2
127	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	H29.313	2
128	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	H29.179	1
129	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	H29.307	1
130	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	H29.298	1
131	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	H29.181	1
132	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	H29.197	1
133	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	H29.274	1
134	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	H29.170	1
135	Ủy ban nhân dân Xã An Long	H29.304	1
136	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	H29.173	1
137	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	H29.196	1
138	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	H29.195	1
139	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	H29.312	1
140	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	H29.215	1
141	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	H29.167	1
142	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	H29.257	1
143	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	H29.245	1
144	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	H29.301	1
145	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	H29.224	1
146	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	H29.305	1

147	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	H29.148	1
148	Sở Du lịch	H29.3	1
149	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	H29.286	1
150	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	H29.287	1
151	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	H29.210	1